

ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh giai đoạn 2026 - 2030

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII)¹ đã xác định một trong các nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đó là: *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh; áp dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số.*

Nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều Nghị quyết quan trọng như: Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025²; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025³; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025⁴; trong đó nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hóa, chuẩn hóa, số hóa thủ tục hành chính; phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu; ứng dụng công nghệ số trong chỉ đạo, điều hành; xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh. Đây là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để các địa phương cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch và đề án triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

¹ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

² Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

³ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

⁴ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới

Đối với thành phố Đồng Nai, nhiệm vụ “*Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả*” được Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định là lĩnh vực đột phá quan trọng. Mặc dù, công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính và chuyển đổi số của thành phố thời gian qua đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân; tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn còn những hạn chế: (1) một số thủ tục hành chính còn phức tạp, liên thông chưa đồng bộ; (2) việc số hóa quy trình, hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính chưa toàn diện; (3) khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành còn phân tán; (4) chất lượng dịch vụ công trực tuyến chưa đồng đều giữa các lĩnh vực, địa bàn.

Trong bối cảnh thành phố Đồng Nai bước vào giai đoạn phát triển mới với yêu cầu hình thành các cực tăng trưởng, phát triển đô thị sân bay Long Thành, công nghiệp công nghệ cao, logistics thông minh, kinh tế số và xã hội số... đòi hỏi chính quyền các cấp phải đổi mới mạnh mẽ phương thức quản trị, điều hành dựa trên dữ liệu và nền tảng số. Nếu không tạo chuyển biến thực chất về cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, thành phố sẽ khó đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, khó tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, chi phí thấp cho người dân và doanh nghiệp.

Với phương châm: **Đoàn kết - Tiên phong - Đột phá - Hội nhập - Phát triển**, việc Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng Đề án “*Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030*” là hết sức cần thiết. Đề án nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số theo từng giai đoạn và hằng năm; tạo chuyển biến thực chất trong chất lượng phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp; hình thành chính quyền số, chính quyền thông minh hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố giai đoạn 2026 - 2030 và những năm tiếp theo.

II - CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN; NHIỆM VỤ, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Căn cứ xây dựng Đề án

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

- Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

- Nghị định số 137/2024/NĐ-CP, ngày 23/10/2024 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử;

- Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (*nay là thành phố Đồng Nai*);

- Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 (*Chương trình số 11-CTr/TU, ngày 12/3/2026*);

- Quy định số 485-QĐ/TU ngày 13/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*nay là thành phố Đồng Nai*);

- Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/5/2026 của ban chấp hành Đảng bộ thành phố (khóa I) về phát động đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm “đoàn kết - kỷ cương - hiệu quả - bứt phá, xây dựng đồng nai phát triển văn minh, hiện đại”, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng thực hiện đến năm 2030;

- Các chủ trương, nghị quyết của Trung ương có liên quan đến cải cách hành chính, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

2. Nhiệm vụ của Đề án

Đề án tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm: tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách về cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; rà soát, đơn giản hóa, chuẩn hóa và số hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính, loại bỏ các khâu trung gian, chồng chéo, không cần thiết; đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tăng cường liên thông điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, từng bước hoàn thiện mô hình “*một cửa sổ*”, “*một cửa liên thông thông minh*”. Đồng thời, đầu tư, nâng cấp hạ tầng số, nền tảng số và hệ thống dữ liệu dùng chung của thành phố; tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia; phát triển hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, trung tâm điều hành thông minh. Cùng với đó, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán

bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, đổi mới phương thức quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá kết quả thực hiện cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số, lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo quan trọng.

3. Phạm vi và đối tượng của Đề án

3.1. Phạm vi của Đề án: Đề án được triển khai trên phạm vi toàn thành phố Đồng Nai, bao gồm các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố. Phạm vi thực hiện bao quát toàn bộ các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan trực tiếp đến cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh; tập trung vào các khâu then chốt của quá trình giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, gắn với xây dựng và khai thác hệ thống dữ liệu, nền tảng số dùng chung.

3.2. Đối tượng của Đề án: Thực hiện tập trung vào các nhóm đối tượng chủ yếu là: cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia trực tiếp vào quy trình giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công; người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế - xã hội là đối tượng thụ hưởng trực tiếp kết quả cải cách hành chính và chuyển đổi số. Đồng thời, chú trọng các lĩnh vực, địa bàn có tần suất giao dịch hành chính lớn, tác động trực tiếp đến môi trường đầu tư, kinh doanh và đời sống Nhân dân.

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TRỌNG TÂM LÀ CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ, CHÍNH QUYỀN THÔNG MINH

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện⁵

Trong bối cảnh thực hiện chủ trương của Trung ương về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc sáp nhập hai tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) đã đặt ra yêu cầu mới, toàn diện và cấp thiết đối với công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính. Không chỉ dừng lại ở việc tổ chức, kiện toàn bộ máy hành chính theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, quá trình sáp nhập còn đòi hỏi sự thống nhất cao về nhận thức, tư duy cải cách, phương thức lãnh đạo, điều hành và chất lượng phục vụ Nhân dân trên phạm vi toàn thành phố. Đây là nhiệm vụ có tính chiến lược, tác động trực tiếp đến hiệu quả vận hành của hệ thống chính quyền và niềm tin của người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển mới.

⁵ Đánh giá trong giai đoạn trước khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập thành phố Đồng Nai có hiệu lực

Thực tiễn cho thấy, trước khi sáp nhập, cả hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước đều thể hiện quyết tâm chính trị rõ nét trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải cách hành chính, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá trong các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tại tỉnh Đồng Nai (cũ), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã khẳng định cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, là một trong những chương trình đột phá chiến lược. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, ban hành đồng bộ nhiều chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể; phân công rõ trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện, qua đó tạo chuyển biến thực chất trong hoạt động của bộ máy hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

Sau khi hợp nhất hai địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, công tác cải cách hành chính của thành phố Đồng Nai tiếp tục được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, gắn chặt với yêu cầu ổn định tổ chức bộ máy, duy trì hoạt động thông suốt và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới. Thành phố đã tập trung kế thừa, phát huy những kết quả, kinh nghiệm của hai địa phương trước đây; đồng thời chủ động rà soát, khắc phục những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình sắp xếp tổ chức, kiện toàn bộ máy và triển khai mô hình quản trị mới. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Thành ủy và sự điều hành quyết liệt của Ủy ban nhân dân thành phố, công tác cải cách hành chính được triển khai đồng bộ trên cả sáu nội dung: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Qua đó, từng bước hình thành nền hành chính thống nhất, hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ ngày càng tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2025 đã phản ánh rõ nét hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của thành phố. Theo đó, Chỉ số PAR INDEX năm 2025 của thành phố Đồng Nai đạt 93,10 điểm, xếp hạng 03/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 2,41 điểm và tăng 05 bậc so với năm 2024. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh thành phố vừa thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, vừa triển khai đồng thời nhiều nhiệm vụ lớn về chuyển đổi số, cải cách hành chính và phát triển chính quyền số.

So với năm 2024, có 06/08 lĩnh vực thành phần được cải thiện, gồm: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; cải cách tài chính công; xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội; điểm khảo sát xã hội học. Trong đó, lĩnh vực cải cách tổ chức bộ máy hành chính có mức cải thiện cao nhất, đạt 95,53%, tăng 12,84% so với năm 2024, phản ánh hiệu quả bước đầu của việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện phân cấp, phân quyền và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn thành phố.

Nhiều lĩnh vực tiếp tục duy trì thứ hạng cao trong cả nước như: cải cách tổ chức bộ máy hành chính xếp thứ 02/34; cải cách tài chính công xếp thứ 02/34; tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội xếp thứ

03/34; công tác chỉ đạo, điều hành xếp thứ 04/34; cải cách thể chế xếp thứ 05/34. Đặc biệt, lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính tiếp tục duy trì kết quả tích cực với chỉ số đạt 97,79%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 99,68% ở cấp thành phố và 99,33% ở cấp xã; 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp và thực hiện theo hướng không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi toàn thành phố. Qua đó góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục cho người dân, doanh nghiệp và tạo nền tảng quan trọng để thành phố tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh trong giai đoạn tới.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh các kết quả tích cực, vẫn còn một số lĩnh vực có chỉ số chưa đạt như kỳ vọng. Trong đó, lĩnh vực xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số năm 2025 đạt 85,80%, xếp thứ 19/34 tỉnh, thành phố; một số tiêu chí liên quan đến tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, kết nối và chia sẻ dữ liệu trên nền tảng quốc gia còn hạn chế. Ngoài ra, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) mặc dù cải thiện rất tốt so với năm 2024 (đạt 87,16% - tăng 4,75% so với năm 2024, đứng thứ 03/34 tỉnh, thành phố) nhưng một số tiêu chí về hài lòng đối với tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính vẫn chưa đạt điểm tối đa.

Nguyên nhân khách quan chủ yếu do khối lượng công việc lớn phát sinh từ việc triển khai đồng loạt nhiều dự án, công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông và Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng tác động trực tiếp đến đời sống của nhiều hộ dân, tạo áp lực lớn cho hệ thống chính quyền cơ sở, ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết các nhiệm vụ hành chính thường xuyên.

Nguyên nhân chủ quan là nguồn nhân lực thực hiện cải cách hành chính, nhất là ở cấp cơ sở, còn hạn chế về năng lực quản trị, kỹ năng ứng dụng công nghệ và tinh thần phục vụ; vẫn còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, thậm chí biểu hiện những nhiễu, gây phiền hà. Công tác chỉ đạo, điều hành có thời điểm còn thiên về cải thiện chỉ số nội bộ mà chưa chú trọng đầy đủ đến đo lường và nâng cao trải nghiệm thực tế của người dân, doanh nghiệp. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật sự đồng bộ; phân cấp, phân quyền còn có nội dung chưa rõ ràng. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa sâu rộng, dẫn đến mức độ tham gia của người dân, nhất là ở khu vực nông thôn, còn hạn chế.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GẮN VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ, CHÍNH QUYỀN THÔNG MINH

1. Công tác cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

1.1. Kết quả thực hiện⁶

a) Tại tỉnh Đồng Nai (cũ)

⁶ Đánh giá trong giai đoạn trước khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập thành phố Đồng Nai có hiệu lực

Giai đoạn 2021–2025, công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn Đồng Nai được triển khai quyết liệt, đồng bộ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, gắn chặt với trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính. Tỉnh tập trung rà soát, đơn giản hóa quy trình, cắt giảm chi phí tuân thủ, tái sử dụng dữ liệu số nhằm giảm giấy tờ, giảm thời gian xử lý hồ sơ. Từ năm 2021 đến năm 2025, đã thông qua phương án đơn giản hóa 676 thủ tục hành chính, kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung nhiều quy định còn bất cập, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Công tác công khai, minh bạch thủ tục hành chính được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ trên môi trường số. Từ năm 2021 đến hết quý II năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 282 quyết định công bố bộ thủ tục hành chính với 1.790 thủ tục hành chính còn hiệu lực; 100% thủ tục hành chính được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh, đồng thời niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa các cấp và tích hợp hướng dẫn qua Tổng đài 1022, bảo đảm người dân dễ tiếp cận, dễ thực hiện.

Cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục phát huy hiệu quả. Giai đoạn 2021–2025, toàn tỉnh đã tiếp nhận trên 6,5 triệu hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn duy trì trên 97% ở cả ba cấp chính quyền. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị được thực hiện nghiêm túc; 100% phản ánh qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và trên 99,9% phản ánh qua Tổng đài 1022 được xử lý đúng hạn, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời, tỉnh đã thực hiện phân cấp giải quyết 128 thủ tục hành chính thuộc 19 lĩnh vực cho cấp dưới, qua đó rút ngắn quy trình, giảm khâu trung gian và nâng cao tính chủ động của địa phương.

Nhiều chỉ tiêu cải cách thủ tục hành chính đạt và vượt mục tiêu Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021–2030. Trong đó, 100% hồ sơ luân chuyển nội bộ được xử lý điện tử; 100% thủ tục hành chính có nghĩa vụ tài chính triển khai thanh toán trực tuyến với tỷ lệ giao dịch đạt 89,18%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 60,8%; tỷ lệ cấp kết quả điện tử đạt 74,95%; số hóa hồ sơ đạt 70,25%; trên 80% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình hoặc một phần; 100% thủ tục hành chính được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đạt 95,05%, vượt mục tiêu đề ra.

b) Tại tỉnh Bình Phước (cũ)

Công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được tỉnh triển khai thường xuyên, đồng bộ và có trọng tâm. Trong giai đoạn 2020-2025, tỉnh đã ban hành 172 quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính ở các cấp; đồng thời ban hành 99 quyết định công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính, trong đó có 02 nhóm thủ tục liên thông điện tử theo quy định của Chính phủ. Việc chuẩn hóa và công khai quy trình đã góp phần cắt giảm 32,88% thời gian giải quyết so với quy định, tương ứng giảm hơn 1.880 ngày xử lý, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Song song với đơn giản hóa thủ tục, tỉnh đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị. Đã có 60 thủ tục hành chính được phân cấp theo thẩm quyền; 169 thủ tục được rà soát, phân cấp giải quyết tại các sở, ngành. Việc giảm tầng nấc trung gian không chỉ rút ngắn quy trình mà còn tiết kiệm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Hệ thống một cửa được tổ chức thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, với Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, 11/11 đơn vị cấp huyện và 111/111 xã, phường, thị trấn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư hiện đại; toàn bộ quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được thực hiện trên phần mềm dịch vụ công trực tuyến, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống chuyên ngành. Tỉnh đã triển khai hiệu quả nhiều nhóm dịch vụ công liên thông, tích hợp thanh toán điện tử, chứng thực điện tử, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp. Đặc biệt, từ năm 2024, tỉnh tiên phong ứng dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính, bước đầu triển khai thành công cấp lý lịch tư pháp trực tuyến, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong giải quyết hồ sơ.

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có chuyển biến rõ rệt. Trong giai đoạn 2020-2025, tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết hơn 2,1 triệu hồ sơ; tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn duy trì trên 98%, riêng năm 2024 đạt 99,7%. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân được thực hiện nghiêm túc; đã tiếp nhận 985 kiến nghị, xử lý kịp thời 952 trường hợp, không để xảy ra tình trạng tồn đọng, quá hạn kéo dài.

c) Kết quả triển khai thực hiện sau khi hợp nhất tỉnh (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)

Việc hợp nhất tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đặt ra yêu cầu cao về ổn định tổ chức, duy trì hoạt động hành chính thông suốt và bảo đảm quyền lợi của người dân, doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được Ủy ban nhân dân thành phố xác định là nhiệm vụ trọng tâm, vừa kế thừa kết quả đạt được trước đây, vừa khản trương chuẩn hóa, điều chỉnh theo mô hình quản lý mới.

Ngay sau hợp nhất, thành phố tập trung rà soát, tái cấu trúc toàn bộ hệ thống thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, rõ thẩm quyền, giảm thời gian và chi phí thực hiện. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thành phố đã ban hành 11 quyết định thông qua phương án đơn giản hóa 298 thủ tục hành chính; đồng thời phê duyệt 58 phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ, bảo đảm bộ máy mới vận hành hiệu quả, không phát sinh ách tắc.

Công tác công khai, cập nhật thủ tục hành chính được thực hiện đồng bộ, kịp thời. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thành phố đã ban hành 207 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và cập nhật 2.161 thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Riêng sau hợp nhất, đã ban hành 125 quyết định công bố, phê duyệt quy trình nội bộ và quy trình điện tử; trong đó có 729 thủ tục hành chính ban hành mới, 769 thủ tục sửa đổi, bổ sung và 365 thủ tục bãi bỏ. Việc chuẩn hóa quy trình

điện tử được triển khai đồng thời với công bố thủ tục hành chính, giúp hệ thống tiếp nhận, giải quyết hồ sơ vận hành thống nhất ngay từ đầu.

Thành phố cũng triển khai đồng bộ các nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền theo mô hình 02 cấp; ban hành 84 quyết định công bố danh mục đối với 1.014 thủ tục hành chính, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp. Hệ thống một cửa tiếp tục được củng cố theo hướng tập trung, hiện đại với Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và 95 Trung tâm cấp xã hoạt động ổn định. Đồng Nai là một trong bốn địa phương có 100% đơn vị cấp xã phát sinh hồ sơ ngay trong ba ngày đầu triển khai mô hình mới.

Kết quả giải quyết hồ sơ cho thấy quá trình chuyển tiếp được thực hiện ổn định, hiệu quả. Sau hợp nhất, thành phố đã tiếp nhận 774.679 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng và trong hạn đạt 99,4%; trong đó cấp thành phố đạt 99,59%, cấp xã đạt 99,28%. Đồng thời, 2.162 thủ tục hành chính được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, 96,07% dịch vụ công được tích hợp trực tuyến; hồ sơ trực tuyến phát sinh đạt trên 97% tổng số hồ sơ. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị tiếp tục được duy trì nghiêm túc với tỷ lệ xử lý đúng hạn qua Tổng đài 1022 đạt trên 99,58%, mức độ hài lòng chung của người dân đạt 96,58%.

Nhìn chung, trong điều kiện tổ chức lại bộ máy với quy mô lớn, công tác cải cách thủ tục hành chính của thành phố vẫn được duy trì ổn định, hiệu quả, bảo đảm tính liên tục của nền hành chính, đồng thời tạo chuyển biến rõ nét về phân cấp, số hóa và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển mới.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách thủ tục hành chính của thành phố vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần nghiêm túc nhìn nhận, cụ thể:

- Khoảng cách trong mức độ chuyển đổi số giữa các cấp chính quyền vẫn còn tồn tại. Ở cấp sở, ngành, việc ứng dụng công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt kết quả cao; tuy nhiên, tại một số xã, phường - nơi người dân trực tiếp giao dịch thường xuyên, hạ tầng kỹ thuật, kỹ năng số và năng lực tổ chức thực hiện còn hạn chế. Điều này dẫn đến tình trạng quy trình điện tử chưa thực sự liền mạch; có trường hợp người dân nộp hồ sơ trực tuyến nhưng vẫn phải bổ sung, xác nhận thủ công ở cấp cơ sở, làm giảm hiệu quả và trải nghiệm sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục liên thông ở một số lĩnh vực còn chưa thật sự chặt chẽ; việc chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu giữa các hệ thống chuyên ngành còn hạn chế, ảnh hưởng đến mục tiêu giảm giấy tờ, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

Nguyên nhân khách quan: Quá trình chuyển đổi số diễn ra với tốc độ nhanh, yêu cầu cao trong khi hạ tầng công nghệ thông tin ở một số địa bàn cơ sở còn thiếu đồng bộ; nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu thực tiễn, đặc biệt tại cấp xã. Đồng thời, trình độ tiếp cận và sử dụng công nghệ của một bộ phận người dân, nhất là ở khu vực nông thôn, còn hạn chế; thói quen sử dụng hồ sơ giấy vẫn phổ biến, ảnh hưởng đến tỷ lệ và chất lượng sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra,

một số quy định của pháp luật chuyên ngành còn chồng chéo, chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời để phù hợp với yêu cầu số hóa quy trình và phân cấp, phân quyền theo mô hình quản lý mới.

Nguyên nhân chủ quan: Ở một số đơn vị, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo nâng cao chất lượng phục vụ chưa thật sự quyết liệt, toàn diện; công tác kiểm tra, giám sát nội bộ chưa được thực hiện thường xuyên, kịp thời nên chưa phát hiện sớm và chấn chỉnh những tồn tại phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Một bộ phận cán bộ, công chức, nhất là ở cấp cơ sở, còn hạn chế về kỹ năng số, kỹ năng giao tiếp hành chính và khả năng thích ứng với môi trường làm việc điện tử; chưa theo kịp yêu cầu chuyển đổi số và phục vụ người dân theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc quy trình, chuẩn hóa và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan chưa được triển khai đồng đều; vẫn còn tâm lý e ngại thay đổi, thiếu quyết tâm trong việc cắt giảm các khâu trung gian không cần thiết.

2. Công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh

2.1. Kết quả thực hiện⁷

Giai đoạn 2020 - 2025, trong bối cảnh chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, tình hình xung đột tại một số khu vực trên thế giới và sự phát triển nhanh, sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đảng bộ hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước (trước sáp nhập) đã chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trong ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Phần lớn các chỉ tiêu về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, gắn chặt với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. Cả hai địa phương đã ban hành đồng bộ nhiều cơ chế, chính sách và văn bản chỉ đạo trên cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; qua đó từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và tạo động lực cho phát triển kinh tế – xã hội theo hướng hiện đại, bền vững.

Về thể chế và công tác chỉ đạo, cả hai tỉnh đều quan tâm ban hành nhiều chủ trương, văn bản quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác chuyển đổi số. Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về chuyển đổi số, cùng các đề án gắn với cải cách hành chính và phát triển chính quyền điện tử. Tỉnh Bình Phước được đánh giá là địa phương có hệ thống thể chế chuyển đổi số hoàn thiện hàng đầu cả nước, xếp hạng 1/63 năm 2024. Trong giai đoạn 2020-2025, Bình Phước đã ban hành hơn 160 văn bản chỉ đạo gồm nghị quyết, kế hoạch, quyết định và chỉ thị, trong đó hai văn bản nền tảng là Nghị quyết số 04-NQ/TU về chuyển đổi số đến năm 2025 và Đề án xây dựng địa phương thông minh đã tạo khung pháp lý vững chắc cho quá trình triển khai. Công tác chỉ đạo, điều hành của cả hai tỉnh được thực hiện thống

⁷ Đánh giá trong giai đoạn trước khi Nghị quyết của Quốc hội về thành lập thành phố Đồng Nai có hiệu lực

nhất từ Tỉnh ủy đến Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm tính xuyên suốt, liên thông và hiệu quả.

Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm sổ tay đảng viên điện tử, đổi mới các hình thức tổ chức sinh hoạt được quan tâm đẩy mạnh, qua đó nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng. Bình quân hàng năm, 94,71% tổ chức cơ sở đảng và 94,95% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Trong lĩnh vực chính quyền số, tỉnh Đồng Nai (cũ) đã cung cấp 1.515 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 1.206 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 309 dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 85,4%. Các dịch vụ công đủ điều kiện đều được cung cấp trực tuyến mức độ 4. Tỉnh ban hành Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND về giảm lệ phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục trực tuyến; đồng thời là một trong những địa phương đầu tiên trong cả nước thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID. Cuối năm 2024, Đồng Nai triển khai Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính VNPT-iGate 2.0, góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường số. Tuy nhiên, việc khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân ở một số lĩnh vực còn hạn chế; Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử cần tiếp tục nâng cấp để phù hợp quy định mới và tăng năng lực xử lý dữ liệu liên thông.

Đối với Bình Phước, các nền tảng phục vụ chính quyền số được triển khai khá đồng bộ, hiệu quả thực tế cao. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã kết nối liên thông hành chính cho 188 đơn vị hành chính và 46 đơn vị ngoài công lập; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ Trung ương đến cấp xã với 137 điểm cầu. Toàn tỉnh có 1.528 dịch vụ công kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến đạt 98%. Bình Phước cũng đạt nhiều kết quả nổi bật như giải thưởng ASOCIO về Chính quyền số xuất sắc năm 2023; thành phố Đồng Xoài đạt giải “Thành phố điều hành, quản lý thông minh” năm 2022.

Sau hợp nhất, đến Quý III năm 2025, thành phố Đồng Nai đã có 187.346 chữ ký số công cộng của người dân và 10.279 chứng thư số chuyên dùng; 100% thủ tục hành chính được công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Đáng chú ý, 93% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính và 91% hồ sơ được xử lý trực tuyến, cho thấy sự chuyển biến rõ nét trong xây dựng chính quyền số.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin được quan tâm triển khai đồng bộ. Đồng Nai xếp hạng 01/63 toàn quốc về an toàn thông tin năm 2024 nhờ triển khai hệ thống giám sát bốn lớp, thuê dịch vụ phòng chống mã độc, kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia và xây dựng giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu cho Trung tâm dữ liệu tỉnh. Tỷ lệ hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ đạt 90%, góp phần nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Trong khi đó, Bình Phước cũng từng bước hoàn thiện hệ thống giám sát an toàn thông tin, tuy nhiên phạm vi bảo vệ chủ yếu mới tập trung ở cấp tỉnh, chưa đồng bộ đến cấp huyện, cấp xã.

Về dữ liệu số, tỉnh Đồng Nai đã xây dựng nhiều cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành mới như: CSDL quy hoạch xây dựng đô thị trên nền GIS, CSDL giáo dục,

CSDL quản lý đầu tư công, CSDL cán bộ, công chức, CSDL xử lý vi phạm hành chính, CSDL Thanh tra, CSDL khu công nghiệp. Dữ liệu dân cư được đồng bộ mạnh mẽ: cập nhật 1,2 triệu nhân khẩu dưới 14 tuổi, 36.479 học sinh, và làm sạch dữ liệu bảo hiểm xã hội thuế, điện, an sinh xã hội, xe cơ giới... với tổng cộng trên 1,5 triệu bản ghi được làm sạch hoặc bổ sung. Dữ liệu Bảo hiểm xã hội đạt tỷ lệ đồng bộ xác thực với CSDL quốc gia về dân cư là 99.2%. Dữ liệu Thuế đã chuẩn hóa mã số thuế đạt 97.26%. Dữ liệu Đất đai đã đối khớp 81.65% dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư. Đồng Nai là địa phương thứ 2 toàn quốc ký Kế hoạch phối hợp với Bộ Công an để cắt giảm thủ tục hành chính sau khi số hóa dữ liệu đất đai. Tuy nhiên, chưa hình thành kho dữ liệu dùng chung và cổng dữ liệu mở của tỉnh Đồng Nai để khai thác triệt để nguồn dữ liệu. Tỉnh Bình Phước đã xây dựng hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, nhằm đồng bộ hóa các dữ liệu dùng chung toàn tỉnh. Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Phước đã được cập nhật và ban hành.

Về xã hội số, Đồng Nai đã cấp 2.714.939 thẻ căn cước công dân gắn chip, kích hoạt hơn 2,09 triệu tài khoản định danh điện tử VneID tính đến 12 năm 2024; việc tích hợp dữ liệu y tế, giáo dục, hộ tịch được thực hiện mạnh mẽ, giúp nâng cao hiệu quả quản lý dân cư và phục vụ người dân. Tỉnh đã tích hợp 454.810 thẻ bảo hiểm y tế, 369.679 sổ sức khỏe điện tử và triển khai học bạ điện tử tại 56,23% trường tiểu học. Chỉ số xã hội số của tỉnh Đồng Nai đạt hạng 22/63 toàn quốc. Đồng Nai đã triển khai Mini App “*Đồng Nai Smart*” trên Zalo, tích hợp 1.514 thủ tục hành chính, liên thông trực tiếp với Cổng DVC tỉnh. Đã thử nghiệm nâng cấp ứng dụng BienHoa SmartCity lên Đồng Nai S, hướng tới nền tảng đô thị thông minh cấp tỉnh. Trong khi đó, tỉnh Bình Phước đạt hạng 01/63 toàn quốc về “*Hoạt động xã hội số*”. Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh và 10 hệ thống IOC cấp huyện vận hành hiệu quả, là cầu nối trực tiếp giữa chính quyền và người dân, giúp xử lý nhanh các phản ánh, kiến nghị. Các tiện ích thanh toán điện tử, giáo dục số, y tế số, đăng ký thủ tục hành chính trực tuyến được triển khai sâu rộng, góp phần hình thành văn hóa số trong cộng đồng. Người dân tỉnh Bình Phước đã quen thuộc với các nền tảng số, từ thanh toán học phí không tiền mặt đến phản ánh hiện trường qua ứng dụng di động. Trên 90% cán bộ trong các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp của hai tỉnh đã được đào tạo về kỹ năng công nghệ và chuyển đổi số. Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện trung tâm hành chính, cung cấp dịch vụ công của hai tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. 100% các cơ sở giáo dục phổ thông ở hai tỉnh đã triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (LMS).

Kinh tế số của thành phố Đồng Nai sau hợp nhất đã có bước phát triển tích cực, từng bước trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển đổi mô hình phát triển. Theo đánh giá DTI năm 2024, tỉnh Đồng Nai (cũ) xếp hạng 21/63 tỉnh, thành phố về phát triển kinh tế số; tỷ trọng kinh tế số đạt 14,08% GRDP, cao hơn mức trung bình cả nước. Nhiều kết quả nổi bật đã được ghi nhận như: 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử; 6.942 cơ sở kinh doanh triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền với hơn 35,7 triệu hóa đơn được phát hành; 100% cơ sở giáo dục triển khai thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt đạt 82,2%. Đồng thời, tỉnh đã đưa vào vận hành ứng dụng Buýt Đồng Nai, hỗ trợ người dân tra cứu, giám sát và sử dụng dịch vụ vận tải hành khách

công cộng theo thời gian thực, góp phần thúc đẩy tiêu dùng số và phát triển đô thị thông minh. Bên cạnh đó, Đồng Nai đang triển khai Khu Công nghệ số Long Thành, định hướng thu hút các ngành công nghệ cao như AI, dữ liệu lớn, trung tâm dữ liệu, chip và vi mạch bán dẫn, tạo nền tảng hình thành hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số trong giai đoạn tới.

Đối với Bình Phước (cũ), kinh tế số cũng có bước phát triển khá tích cực, xếp hạng 15/63 tỉnh, thành phố năm 2024. Tỉnh đã quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, thương mại điện tử và thanh toán số. Tuy nhiên, tỷ trọng kinh tế số mới đạt khoảng 8,7% GRDP, chưa đạt mục tiêu đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô doanh nghiệp công nghệ số còn nhỏ, nguồn lực đầu tư hạn chế, hạ tầng logistics số và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo chưa đồng bộ. Điều này cho thấy kinh tế số của thành phố dù đã có nền tảng quan trọng nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, phát triển doanh nghiệp công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh khai thác dữ liệu số để tạo bứt phá trong giai đoạn phát triển mới.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tập trung khắc phục, cụ thể:

Thứ nhất, về thể chế và tổ chức thực hiện: Việc cụ thể hóa chủ trương, chính sách ở một số lĩnh vực còn chậm; một số cơ quan, địa phương chưa chủ động, chưa xem chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm gắn với cải cách hành chính. Việc tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, chia sẻ và khai thác dữ liệu liên ngành còn hạn chế; hiệu quả vận hành chính quyền số chưa cao, nhất là tại tỉnh Bình Phước (cũ), chỉ số hoạt động chính quyền số xếp 57/63 tỉnh, thành phố.

Thứ hai, về phát triển kinh tế số: Kinh tế số chưa trở thành động lực tăng trưởng rõ nét; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của hai địa phương trước sáp nhập mới đạt khoảng 10%. Hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số còn nhỏ; nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, còn thiếu nguồn lực và thận trọng trong đầu tư chuyển đổi số.

Thứ ba, về nguồn nhân lực số: Chất lượng nguồn nhân lực số chưa đáp ứng yêu cầu; thiếu chuyên gia về công nghệ, dữ liệu, an toàn thông tin và chưa có cơ chế đủ mạnh để thu hút nhân lực chất lượng cao. Ở nhiều cơ quan, cán bộ công nghệ thông tin còn kiêm nhiệm, năng lực triển khai còn hạn chế.

Thứ tư, về hạ tầng số và dữ liệu: Hạ tầng công nghệ thông tin, nhất là ở cấp cơ sở, chưa đồng bộ; các hệ thống thông tin còn phân tán, thiếu kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được chuẩn hóa, liên thông; chưa hình thành đầy đủ kho dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, điều hành.

Thứ năm, về cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thực tế còn thấp, đặc biệt ở cấp xã và khu vực nông thôn. Một bộ phận người dân còn hạn chế về kỹ năng số; công tác hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng dịch vụ công trực tuyến chưa hiệu quả, khoảng cách số giữa các địa bàn vẫn còn tồn tại.

Thứ sáu, về an toàn, an ninh thông tin: Nhận thức và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức và người dân còn hạn chế; thiếu nhân lực chuyên sâu về an ninh mạng. Nguy cơ mất an toàn dữ liệu, tội phạm công nghệ cao và rủi ro trên không gian mạng vẫn tiềm ẩn phức tạp, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và bảo vệ dữ liệu trong quá trình chuyển đổi số.

Nguyên nhân khách quan: Do tình hình khu vực và quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế, xã hội. Cơ chế, chính sách chung còn nhiều nút thắt, gây khó khăn cho việc triển khai các dự án. Liên kết nội vùng, liên kết vùng chưa phát huy hiệu quả. Ngân sách Nhà nước chưa đáp ứng với yêu cầu phát triển. Thể chế về công nghệ thông tin chưa theo kịp sự phát triển của công nghệ, trong đó có nhiều công nghệ mới như AI, Blockchain chưa có văn bản hướng dẫn. Chất lượng dịch vụ hạ tầng số còn thấp hơn mức bình quân chung cả nước do đặc điểm địa lý, địa hình.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy đảng, chính quyền còn chậm, chưa thường xuyên. Nhận thức, quyết tâm chính trị về chuyển đổi số của các cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn. Năng lực quản lý, điều hành, khả năng phân tích, dự báo tình hình có lúc, có việc chưa đáp ứng yêu cầu. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn thiếu bản lĩnh chính trị và tinh thần dân thân, năng lực, trình độ chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kỷ luật, kỷ cương hành chính thực hiện chưa nghiêm túc. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp, các địa phương chưa đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng. Chưa có cơ chế, chính sách để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư vào công nghệ thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, cũng như thu hút chuyên gia công nghệ số. Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển còn nhiều điểm cần được hoàn thiện, chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút các tập đoàn công nghệ lớn.

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I - QUAN ĐIỂM

1. Cải cách hành chính là một bộ phận quan trọng của quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị của chính quyền; phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp. Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số toàn bộ quy trình chỉ đạo, điều hành và xuyên suốt trong tổ chức thực hiện từ thành phố đến cơ sở và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực công tác đảng, quản lý nhà nước, giám sát của các cơ quan dân cử; lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo năng lực, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị thành phố.

2. Các chủ trương, giải pháp cải cách phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và mục tiêu phục vụ, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; giảm thời gian, chi phí và rủi ro trong thực hiện thủ tục hành chính; chuyển mạnh từ “quản lý hành chính” sang “điều hành theo mục tiêu, tiến độ và sản phẩm”; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; chuyển mạnh từ “*giải quyết hồ sơ*” sang “*phục vụ người dân, doanh nghiệp*” và “*nâng cao trải nghiệm và chất lượng phục vụ*”; tăng cường giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ thông qua dữ liệu số và phản hồi của người dân, doanh nghiệp theo thời gian thực.

3. Cải cách thủ tục hành chính là trọng tâm, chuyển đổi số là đột phá, dữ liệu là nền tảng và là tài sản quan trọng của thành phố. Tập trung đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số hóa toàn diện hồ sơ, kết quả giải quyết; chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, liên thông và tái sử dụng hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tiến tới xử lý công việc dựa trên dữ liệu, giảm tối đa giấy tờ và tiếp xúc trực tiếp không cần thiết. Việc triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính phải bảo đảm phương châm “*thực chất - đo đếm được - kiểm soát được - đánh giá được*”.

4. Xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh đồng bộ từ thành phố đến cơ sở, bảo đảm quản trị hiện đại, minh bạch, liên thông, an toàn và bền vững. Chuyển đổi số phải gắn với bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và nâng cao khả năng phòng ngừa, ứng phó rủi ro trên môi trường số; đồng thời thu hẹp khoảng cách số giữa các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực triển khai tại cơ sở - nơi trực tiếp phục vụ người dân và doanh nghiệp.

5. Gắn cải cách hành chính với trách nhiệm người đứng đầu, kỷ luật, kỷ cương hành chính và phát triển nguồn nhân lực số. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong tổ chức thực hiện; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu và sản phẩm cụ thể; tập trung nâng cao năng lực số, kỹ năng quản trị và kỹ năng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số trong giai đoạn 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh đổi mới phương thức quản trị theo hướng hiện đại, công khai, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy chuyển đổi số và dữ liệu số làm nền tảng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Phấn đấu đến năm 2030 hình thành nền hành chính hiện đại, vận hành chủ yếu trên môi trường số và dữ liệu; thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản, thuận tiện, an toàn, giảm tối đa thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng phục vụ, năng lực quản trị và các chỉ số hài lòng, minh bạch của thành phố. Cải cách hành chính phải góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tháo gỡ khó khăn, điểm nghẽn cho người dân, doanh nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đồng thời, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị.

2. Một số Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Nhóm chỉ tiêu về công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Thực hiện đảm bảo các chỉ tiêu Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy đề ra trong Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 01/5/2026 về phát động đợt thi đua đặc biệt 500 ngày đêm “đoàn kết - kỷ cương - hiệu quả - bứt phá, xây dựng đồng nai phát triển văn minh, hiện đại”, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng thực hiện đến năm 2030; Kế hoạch số 123-KH/TU ngày 26/5/2026 về thực hiện Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn thành phố, trong đó đảm bảo:

- Trên 95% hồ sơ, thủ tục hành chính được xử lý trên môi trường số và số hóa văn bản. Phần đầu đến năm 2028, 100% hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước chỉ đạo, điều hành trên môi trường điện tử.

- Bảo đảm 100% cơ quan, đơn vị triển khai hệ thống theo dõi, quản lý tiến độ công việc; tổ chức giám sát 100% nhiệm vụ trọng tâm bằng dữ liệu; có 98% nhiệm vụ được giao hoàn thành đúng hạn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, không để tồn đọng kéo dài.

- Cắt giảm tối thiểu 15% số lượng văn bản hành chính ban hành hàng năm so với năm trước. Tỷ lệ hội nghị trực tuyến đạt ít nhất 60% tổng số hội nghị trong năm; hội nghị trực tiếp không quá 40%. Giảm 10% số lượng hội nghị hàng năm nhằm tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức hội nghị.

2.2. Nhóm chỉ tiêu về cải cách thủ tục hành chính

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và thành phố, giữa các cấp chính quyền đạt 100%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Rà soát, đơn giản hóa quy trình, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; phấn đấu rút ngắn **tối thiểu 30%** thời gian xử lý so với quy định hiện hành, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao mức độ hài lòng và niềm tin đối với cơ quan nhà nước.

- Mức độ hài lòng chung của người dân, doanh nghiệp đạt từ 95% trở lên; đối với từng ngành, lĩnh vực không thấp hơn 90%. Trong đó:

+ Tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*Chỉ số SIPAS*) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ công, nhất là y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

2.3. Nhóm chỉ tiêu về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh

- *Chỉ tiêu kinh tế số*: Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 30%. Thành phố Đồng Nai phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ số và phát triển thành Trung tâm số (*Hub số*) của Việt Nam và của khu vực Đông Nam Á. Các doanh nghiệp trong nước tự chủ về công nghệ và đóng vai trò thiết yếu, chiếm ít nhất 40% trong hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số thành phố. Thu hút ít nhất 05 doanh nghiệp/tổ chức khoa học, công nghệ, công nghệ số lớn đầu tư và hợp tác phát triển.

- *Chỉ tiêu Chính quyền số*:

+ 100% các nền tảng số cốt lõi phục vụ chính quyền số, chính quyền thông minh được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ thành phố đến xã, phường theo đúng kế hoạch.

+ 100% đơn vị, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100%;

+ Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử đạt 100%;

+ Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.

+ Triển khai nền tảng số đo lường hiệu quả công chức dựa trên số lượng, chất lượng và tiến độ sản phẩm đầu ra theo vị trí việc làm (KPI) đến 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố; đồng thời, từng bước áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trên toàn hệ thống chính trị.

+ Triển khai sử dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo AI, Trợ lý ảo để hỗ trợ dịch vụ công, thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung của các Bộ nhằm hướng dẫn người dân, doanh nghiệp

tra cứu thông tin, chuẩn bị hồ sơ, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, giảm thời gian xử lý và nâng cao chất lượng phục vụ.

+ Triển khai thực hiện nguyên tắc “*người dân chỉ cung cấp thông tin một lần*”, bảo đảm dữ liệu đã được số hóa, xác thực và lưu trữ trên các hệ thống dùng chung được tái sử dụng, chia sẻ liên thông giữa các cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính; giảm tối đa việc người dân, doanh nghiệp phải kê khai lại thông tin hoặc phải đi lại nhiều lần để hoàn thiện hồ sơ, góp phần giảm phiền hà, tiết kiệm thời gian và nâng cao chất lượng phục vụ.

- *Chỉ tiêu Xã hội số*: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 80% tại khu vực đô thị và 50% tại khu vực nông thôn; tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%; tỷ lệ người dân tiếp cận được thông tin y tế, sức khỏe và khám bệnh từ xa đạt tối thiểu 90%. 100% cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến THPT có tổ chức các môn học giáo dục STEM và kỹ năng số, với 100% học sinh phổ thông tiếp cận với STEM.

- *Chỉ tiêu Dữ liệu số*: Hình thành kho dữ liệu tổng hợp, tích hợp tập trung; có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh, dự báo nhu cầu, sự dịch chuyển nhu cầu sử dụng dịch vụ công để phục vụ việc đưa ra các quyết sách chính xác.

- *Chỉ tiêu Hạ tầng số*: Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây. Triển khai hạ tầng IoT ở mức cơ bản.

- *Chỉ tiêu An toàn, an ninh mạng*: 100% hệ thống thông tin trên địa bàn thành phố đạt cấp độ an toàn thông tin và triển khai đầy đủ các phương án đảm bảo theo cấp độ.

- *Chỉ tiêu Nguồn nhân lực*: Tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước đạt tối thiểu 25%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- *Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm người đứng đầu*: Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai cải cách hành chính và chuyển đổi số; phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả đối với từng nhiệm vụ. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, đánh giá theo kết quả đầu ra và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; xem đây là tiêu chí quan trọng trong đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

- *Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên thông, phân cấp và kiểm soát thực thi*: Rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các sở, ngành và cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính, chia sẻ và khai thác dữ liệu; bảo đảm thông suốt, không chồng chéo, không đùn đẩy trách nhiệm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cơ chế kiểm

tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình; tăng cường theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện thông qua hệ thống số và dữ liệu thời gian thực.

- *Bảo đảm nguồn lực thực hiện đồng bộ, ổn định và dài hạn*: Ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp; đa dạng hóa nguồn lực thông qua hợp tác công - tư và xã hội hóa. Chủ động chuẩn bị nhân lực, hạ tầng và điều kiện kỹ thuật để triển khai các nền tảng số thống nhất, liên thông từ thành phố đến cơ sở.

- *Đổi mới phương thức quản trị theo hướng số hóa, dữ liệu hóa*: Chuyển mạnh từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu và nền tảng số; chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công khai, minh bạch, giám sát bằng công cụ điện tử; từng bước hình thành mô hình điều hành theo thời gian thực, giảm giấy tờ, giảm khâu trung gian và nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước.

- *Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân*: Xây dựng cơ chế quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu bảo đảm an toàn, đúng quy định; tăng cường các giải pháp bảo mật hệ thống, kiểm soát truy cập, sao lưu và phòng ngừa rủi ro mất an toàn thông tin. Gắn triển khai chuyển đổi số với bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an ninh mạng và duy trì hoạt động ổn định, liên tục của các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- *Nâng cao năng lực số và hỗ trợ tiếp cận dịch vụ số cho người dân*: Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp cơ sở, nâng cao năng lực vận hành, khai thác và sử dụng dữ liệu trong thực thi công vụ. Đồng thời, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; ưu tiên hỗ trợ nhóm yếu thế, người cao tuổi, người ở vùng khó khăn tiếp cận các nền tảng số, góp phần thu hẹp khoảng cách số và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ công của toàn xã hội.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Công tác cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) *Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.*

- Tổ chức rà soát thường xuyên theo nguyên tắc “*người dân chỉ cung cấp thông tin một lần*”; tăng cường kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để cắt giảm giấy tờ, thành phần hồ sơ và số lần đi lại của người dân, doanh nghiệp. Ưu tiên loại bỏ các thủ tục, thành phần hồ sơ chồng chéo, không cần thiết hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản

xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức các hình thức hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến cho người dân, nhất là người cao tuổi, người yếu thế, người hạn chế kỹ năng số trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Trung tâm Phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa cấp xã trong hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số.

2.2. Công tác chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý.

- Rà soát, tham gia góp ý, đề xuất hoàn thiện các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương liên quan đến chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; đồng thời ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy

định, hướng dẫn của thành phố về quản lý, vận hành dữ liệu và nền tảng số, bảo đảm triển khai đồng bộ chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính và yêu cầu quản trị đô thị hiện đại.

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số của thành phố phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ số; bảo đảm thống nhất trong đầu tư, triển khai, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, tránh đầu tư trùng lặp, manh mún hoặc phát triển hệ thống riêng lẻ, thiếu liên thông.

- Ban hành cơ chế quản lý, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung giữa các sở, ngành, địa phương; xác định rõ trách nhiệm cập nhật, quản trị, khai thác dữ liệu của từng cơ quan; từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu thống nhất trên toàn thành phố, hạn chế tình trạng dữ liệu phân tán, cát cứ.

- Xây dựng danh mục các nền tảng số dùng chung theo ngành, lĩnh vực; quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu, yêu cầu kết nối và tiêu chí đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng sau đầu tư nhằm bảo đảm các hệ thống được vận hành thực chất, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Ban hành hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động công vụ; đồng thời xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro, bảo đảm an toàn dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và trách nhiệm giải trình khi ứng dụng AI trong xử lý công việc, hỗ trợ ra quyết định và cung cấp dịch vụ công.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính quyền số, Chính quyền thông minh

- Xây dựng, nâng cấp và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung; bảo đảm dữ liệu “*đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung*”; thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông giữa các sở, ngành, địa phương phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường năng lực phân tích dữ liệu và dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ công.

- Tập trung số hóa, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm như tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai, cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu để giảm giấy tờ, giảm thành phần hồ sơ và thực hiện nguyên tắc “*người dân chỉ cung cấp thông tin một lần*”.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung của thành phố như: Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP), Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống phục vụ họp và xử lý công việc, Kho dữ liệu dùng chung và Trung tâm điều hành thông minh (IOC); bảo đảm dữ liệu được khai thác theo thời gian thực phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi theo Đề án 06; mở rộng ứng dụng định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, hồ sơ điện tử và dịch vụ công trực tuyến toàn trình; bảo đảm người dân, doanh nghiệp được tiếp cận dịch vụ công thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Tăng cường đầu tư hạ tầng số đồng bộ từ thành phố đến cơ sở; ưu tiên hạ tầng phục vụ lưu trữ, chia sẻ, phân tích dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin mạng; triển khai các giải pháp giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn dữ liệu và an ninh mạng trong các hệ thống thông tin của thành phố.

- Đẩy mạnh hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán điện tử và các nền tảng số thiết yếu; ưu tiên hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thế, người hạn chế kỹ năng số nhằm bảo đảm chuyển đổi số toàn diện, không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; khuyến khích hợp tác công – tư và xã hội hóa trong phát triển hạ tầng, nền tảng và dịch vụ số.

- Triển khai hiệu quả Đề án “*Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030*”; thực hiện đo lường, đánh giá định kỳ hiệu quả sử dụng các nền tảng số thông qua các chỉ tiêu cụ thể như tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu, mức độ hài lòng của người dân, tỷ lệ khai thác dữ liệu dùng chung và hiệu quả xử lý công việc trên môi trường số.

c) Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gắn với chuyển đổi số

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong hoạt động của các cơ quan Đảng; mở rộng sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, hệ thống điều hành tác nghiệp, hợp không giấy tờ và các công cụ số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng hiện đại, thống nhất, liên thông.

- Từng bước số hóa, chuẩn hóa hồ sơ, tài liệu và dữ liệu phục vụ công tác tham mưu, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả trong toàn hệ thống chính trị.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu và môi trường số; nâng cao năng lực phân tích, dự báo, theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ; tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, chuẩn hóa và triển khai trên môi trường số các quy trình nghiệp vụ nội bộ đặc thù của các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; ưu tiên các lĩnh vực như quản lý đảng viên, đoàn viên, hội viên; công tác kết nạp Đảng; sinh hoạt chi bộ; kiểm tra, giám sát; tiếp nhận, xử lý ý kiến, kiến nghị của cử tri, Nhân dân; quản lý, thu nộp đảng phí và các khoản đóng góp trực tuyến.

- Gắn kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số với đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và trách nhiệm người đứng đầu; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hoàn thành chỉ tiêu và hiệu quả phục vụ Nhân dân làm căn cứ đánh giá, xếp loại hằng năm.

- Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả nắm bắt tình hình nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, đánh giá sự hài lòng của người dân, hỗ trợ các hoạt động an sinh xã hội và tăng cường tương tác với nhân dân; phấn đấu rút ngắn tối thiểu 30% thời gian giải quyết phản ánh, kiến nghị so với phương thức truyền thống.

IV. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

Việc triển khai Đề án “*Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh giai đoạn 2026 - 2030*” dự kiến mang lại những hiệu quả thiết thực sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp: Thủ tục hành chính được đơn giản hóa, tái cấu trúc và cung cấp thuận tiện trên môi trường số sẽ góp phần giảm thời gian giải quyết hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ và giảm số lần đi lại của người dân, doanh nghiệp; tăng tỷ lệ sử dụng thực chất dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Đồng thời, việc công khai tiến độ xử lý, tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, hồ sơ trễ hạn, hồ sơ phải bổ sung nhiều lần và kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị sẽ nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, phòng ngừa những nhiễu, tiêu cực trong thực thi công vụ. Qua đó, phấn đấu cải thiện bền vững các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PCI và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước: Việc chuyển đổi phương thức quản trị từ thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu và nền tảng số sẽ giúp tăng cường giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo thời gian thực; giảm tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong xử lý công việc; nâng cao trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và cá nhân trong thực thi công vụ. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ liên thông giữa các cấp, các ngành sẽ góp phần nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành và hỗ trợ ra quyết định kịp thời, chính xác.

Thứ ba, hình thành nền tảng chính quyền số đồng bộ, hiện đại: Hạ tầng số, nền tảng dùng chung và hệ thống dữ liệu được xây dựng thống nhất từ thành phố đến cơ sở sẽ tạo nền tảng để chính quyền vận hành chủ yếu trên môi trường điện tử, từng bước hình thành mô hình chính quyền thông minh dựa trên dữ liệu. Đồng thời, góp phần thu hẹp khoảng cách số giữa các địa bàn, bảo đảm người dân ở khu vực đô thị, nông thôn đều được tiếp cận dịch vụ số thuận lợi, bình đẳng.

Thứ tư, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số: Môi trường hành chính minh bạch, thuận lợi và dữ liệu mở được khai thác hiệu quả sẽ góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố; thu hút doanh nghiệp công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc phổ cập kỹ năng số, thanh toán điện tử và các dịch vụ số trong giáo dục, y tế, thương mại sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế số bền vững.

Thứ năm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp: Cơ chế quản lý, giám sát trên môi trường số giúp minh bạch hóa toàn bộ quá trình xử lý công việc; tăng cường kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu và đánh giá cán bộ dựa trên kết quả đầu ra. Kết quả giải quyết công việc, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp và tỷ lệ hồ sơ đúng hạn sẽ trở thành tiêu chí quan

trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng cơ chế kiểm điểm trách nhiệm, xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp dưới 80% trong nhiều kỳ đánh giá liên tiếp.

Thứ sáu, tạo nền tảng phát triển bền vững trong giai đoạn mới: Đề án không chỉ giải quyết yêu cầu trước mắt về cải cách hành chính và chuyển đổi số mà còn tạo động lực dài hạn để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực quản trị công, khả năng thích ứng và năng lực cạnh tranh của thành phố trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố

- Chủ trì tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung, mục tiêu của Đề án; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án thành chương trình, kế hoạch hành động phù hợp, bảo đảm thống nhất với các nội dung quy định tại Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn hệ thống chính quyền các cấp; chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các chủ trương, quy định của Ban Thường vụ Thành ủy.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; xác định rõ lộ trình, phân công trách nhiệm, bảo đảm bố trí đầy đủ nguồn lực, thực hiện đúng tiến độ và đạt chất lượng theo yêu cầu của Đề án.

- Thiết lập cơ chế phối hợp liên thông giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức thực hiện Đề án; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện trên môi trường số gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể. Thực hiện công khai tiến độ, tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp để nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Đồng thời, tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ; kịp thời chấn chỉnh, xem xét trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị chậm triển khai, không hoàn thành chỉ tiêu hoặc để xảy ra tình trạng trễ hạn, những thiếu sót trong thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ban Thường vụ Thành ủy về tình hình, kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm Đề án được triển khai hiệu quả, sát với yêu cầu thực tiễn.

2. Văn phòng Thành ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Đề án trong các cơ quan Đảng, kết nối liên thông các nền tảng số giữa khối Đảng, khối Nhà nước, đảm bảo thông suốt từ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, giao nhiệm vụ và kiểm soát tiến độ thực hiện, chất lượng lượng đầu ra. Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Chủ trì tham mưu kế hoạch, chương trình cải cách hành chính trong các hệ thống cơ quan Đảng thành phố giai đoạn 2026-2030 (*sau khi Trung ương ban hành Chương trình cải cách hành chính trong hệ thống cơ quan Đảng giai đoạn 2026-2030*), nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, hệ thống điều hành tác nghiệp, hợp không giấy tờ và xử lý công việc trên môi trường số.

- Phối hợp rà soát, chuẩn hóa quy trình xử lý công việc, số hóa hồ sơ, tài liệu và tăng cường quản lý, khai thác dữ liệu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trong các cơ quan Đảng; tham mưu bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, kết nối và chia sẻ dữ liệu phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong khối Đảng.

- Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức trong các cơ quan Đảng, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành trên môi trường số.

3. Ban Tổ chức Thành ủy

- Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy đưa nội dung cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh vào tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện Đề án với công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển và đánh giá cán bộ. Đồng thời, tham mưu rà soát, bổ sung các quy định về trách nhiệm nêu gương, kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện.

- Phối hợp tham mưu bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có năng lực quản trị số, kỹ năng ứng dụng công nghệ, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh trong giai đoạn mới.

- Phối hợp triển khai xây dựng, chuẩn hóa và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng, quản lý cán bộ, đảng viên; từng bước đổi mới công tác tham mưu, quản lý, đánh giá cán bộ trên môi trường số.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

- Chủ trì tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung Đề án đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; chỉ đạo đưa nội dung cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh vào chương trình tuyên truyền thường xuyên của hệ thống tuyên giáo, dân vận và các cơ quan báo chí của thành phố.

- Chủ động nắm bắt dư luận xã hội, kịp thời tham mưu định hướng tư tưởng, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động; góp phần nâng cao trách nhiệm, tinh thần phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình triển khai Đề án.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội và tham mưu cơ chế để Nhân dân tham gia góp ý, đánh giá việc thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

5. Ủy ban kiểm tra Thành ủy

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Đề án của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Thành ủy; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn đưa nội dung thực hiện Đề án vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm và toàn khóa của cấp ủy các cấp; tăng cường giám sát trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số.

- Tham mưu xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền đối với các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện, bảo đảm Đề án được triển khai nghiêm túc, hiệu quả.

6. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

- Chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ đời sống.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số và chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; kịp thời tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp để đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Phối hợp đề xuất, khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ tiếp nhận, theo dõi, tổng hợp phản ánh, kiến nghị và mức độ hài lòng của người dân; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Phục vụ hành chính công và các hệ thống điều hành của thành phố nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội và đôn đốc xử lý trên môi trường số.

7. Ban Thường vụ các Đảng ủy trực thuộc Thành ủy

Căn cứ nội dung Đề án và tình hình thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị đề tổ chức triển khai thực hiện Đề án phù hợp, bảo đảm **“6 rõ”** (*rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ kết quả*). Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cùng cấp cụ thể hóa và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số; phát huy vai trò của cấp cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến,

thanh toán điện tử và các nền tảng số thiết yếu; bảo đảm người dân ở mọi địa bàn, nhất là người cao tuổi, người yếu thế, khu vực nông thôn được tiếp cận và thụ hưởng hiệu quả các dịch vụ số; định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

Trên đây là Đề án của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, chính quyền thông minh giai đoạn 2026 - 2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả; trong quá trình thực hiện, kịp thời báo cáo, xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy *(qua Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố)* đối với những vấn đề vướng mắc phát sinh.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các Đảng ủy trực thuộc Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Các ban đảng Thành ủy;
- Các sở, ban, ngành,
- Các đ/c UV.BCH Đảng bộ thành phố;
- VPTU:LĐVP, các phòng trực thuộc;
- Lưu Văn Phòng Thành ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Tôn Ngọc Hạnh